

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-5-2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung,
chia nợ chung khi ly hôn.

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Hoàng và bà Đoàn Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 556/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng A, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1368C đường 30/4, tổ 3, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh Ngô Văn D, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1368C đường 30/4, tổ 3, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. *Ngân hàng TMCP T (có đơn xin vắng mặt).*

Trụ sở: Tầng 10, toà nhà T, số 57 đường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Kiên Giang: Số 154-156-158 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Quỹ tín dụng nhân dân V (có đơn xin vắng mặt).*

Địa chỉ: H12 Huỳnh Thúc Kháng, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị QTDND Vĩnh Thanh.

3. *Ông Trần Văn T, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 1012 đường 30/4, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – chị Trần Thị Hồng A trình bày:** Chúng tôi tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới năm 2003, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/8/2009. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2023 thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, chúng tôi có hàn gắn nhưng không thành và đã sống ly thân từ tháng 06/2023 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên tôi yêu cầu được ly hôn.

Nguyên nhân ly hôn: Do vợ chồng tính tình không thể hòa hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, còn do chồng không lo làm ăn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ con và còn bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập vợ con. Tuy nhiên, những lần bị bạo lực thường tự mua thuốc uống, có lần vô nước biển nhưng không nhập viện, không có hoá đơn điều trị và không yêu cầu Toà án xem xét.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Ngô Hoàng P, sinh ngày 19/9/2005 và Ngô Phúc T, sinh ngày 29/12/2011. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Phúc T và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Ngô Hoàng P đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng tự lo cuộc sống nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Đối với khoản tiền vay Ngân hàng TMCP T Chi nhánh Kiên Giang 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Tôi đồng ý trả ½ khoản tiền nợ nêu trên và yêu cầu chồng có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng.

+ Đối với khoản vàng cổ đất của anh Trần Văn T là 40 chỉ vàng 24K. Tôi đồng ý trả 20 chỉ vàng 24K và yêu cầu anh D phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn T 20 chỉ vàng 24K.

+ Đối với khoản tiền vay gốc 100.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân V tôi yêu cầu anh D có trách nhiệm tự thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Quỹ Tín dụng.

Chị Trần Thị Hồng A cam kết trình bày đúng sự thật.

*** Trong quá trình giải quyết bị đơn anh Ngô Văn D trình bày:** Tôi thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của vợ tôi về quá trình hôn nhân, về con chung, nợ chung nên không bổ sung gì thêm.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nguyên nhân ly hôn chỉ là do cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn về quan điểm và lối sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên không thể tiếp tục chung sống.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên Ngô Hoàng P, sinh ngày 19/9/2005 và Ngô Phúc T, sinh ngày 29/12/2011. Đối với con chung tên Ngô Hoàng P đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng tự lo cuộc sống nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung tên Ngô Phúc T tôi đồng ý giao con chung cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Năm 2023, chúng tôi có vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) của Ngân hàng TMCP T Chi nhánh Kiên Giang. Tôi yêu cầu Toà án chia mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cho Ngân hàng tương đương số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích khoảng hơn 2.000m² tọa lạc tại khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Mục đích vay để tiêu dùng chung trong gia đình.

+ Năm 2023 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) của Quỹ tín dụng nhân dân V. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.000m², tọa lạc tại phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Tôi đồng ý có trách nhiệm tự thanh toán toàn bộ số tiền cho Quỹ tín dụng nhân dân V.

+ Tôi xác nhận tổng số vàng có đất của ông Trần Văn T là 40 chỉ vàng 24K. Tôi yêu cầu chia mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Trinh $\frac{1}{2}$ số vàng nêu trên tương đương mỗi người phải trả 20 chỉ vàng 24K cho ông Trinh.

* Trong quá trình giải quyết vụ kiện những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Trần Văn T: Tôi xác nhận có nhận cổ đất của vợ chồng anh D và chị Ân với tổng số 40 chỉ vàng 24K. Nay anh D và chị Ân ly hôn tôi đồng ý để anh D có trách nhiệm trả cho tôi 20 chỉ vàng 24K, đồng ý để cho chị Ân có trách nhiệm trả cho tôi 20 chỉ vàng 24K và tôi xác nhận không yêu cầu Toà án giải quyết đối số vàng nêu trên trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tôi sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

2. Quỹ tín dụng nhân dân V: Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân V yêu cầu vợ chồng anh D và chị Ân phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 03/5/2024 là 2.832.000 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 04/5/2024 đến khi khách hàng tắt toán xong toàn bộ nợ vay cho Quỹ tín dụng.

Trường hợp, vợ chồng ông D và bà Ân không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 1.415,3 m² tọa lạc tại khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W719003, thửa đất số 1497, tờ bản đồ số 04 theo hợp đồng thế chấp đã ký.

Đến ngày 17/5/2024, Quỹ tín dụng nhân dân V có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện do khách hàng đã tắt toán toàn bộ khoản vay.

3. Ngân hàng TMCP T: Xác nhận trong quá trình Toà án giải quyết ly hôn khách hàng đã tắt toán toàn bộ khoản vay nên Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án. Đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn – chị Trần Thị Hồng A xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Ngô Văn D. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Phúc T, tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và xác nhận tự thoả thuận tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết, nợ chung đối với Ngân hàng đã được tắt toán xong và đối với khoản nợ của ông Trần Văn T đã cùng thoả thuận không tranh chấp trong vụ án này.

- Bị đơn – anh Ngô Văn D đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng, xác nhận tự thoả thuận tài sản chung, đối với nợ chung đã tắt toán xong với Ngân hàng và quỹ tín dụng, riêng khoản nợ với ông Trinh đã cùng thoả thuận các bên không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hồng A yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn D có địa chỉ tại số 1368C đường 30/4, khu phố 2, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/8/2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Trần Thị Hồng A khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2023. Đồng thời, anh Ngô Văn D cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị Ân.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng A.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D thống nhất xác nhận có 02 con chung tên Ngô Hoàng P, sinh ngày 19/9/2005 và Ngô Phúc T, sinh ngày 29/12/2011. Đối với con chung tên Ngô Hoàng P đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có khả năng tự lo cuộc sống, không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Đối với con chung tên Ngô Phúc T, sinh ngày 29/12/2011. Anh D và chị Ân thống nhất sau khi ly hôn chị Trần Thị Hồng A sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Phúc T. Xét thấy, từ khi ly thân chị Trần Thị Hồng A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Phúc T. Đồng thời, cháu Thịnh cũng

có nguyện vọng muốn được sống cùng với chị Ân sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, HĐXX thống nhất ghi nhận sự thoả thuận của anh D và chị Ân về việc giao con chung tên Ngô Phúc T cho chị Ân trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung.

Anh D được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị Ân xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị Ân.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D đều thống nhất xác nhận tự thoả thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] Về nợ chung:

- Xét khoản nợ đối với Ngân hàng TMCP T: Ngân hàng TMCP T đã có văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ của khách hàng và không có yêu cầu gì đối với vụ kiện ly hôn nên HĐXX miễn xét.

- Xét khoản nợ đối với Quỹ tín dụng nhân dân V: Ngày 17/5/2024, Quỹ tín dụng nhân dân V đã có văn bản xin rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đề ngày 26/3/2024 do ông Ngô Văn D đã tất toán toàn bộ khoản vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó HĐXX miễn xét.

- Xét khoản nợ đối với ông Trần Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn T đã có ý kiến trình bày và xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác do đó HĐXX miễn xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A D mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Quỹ tín dụng nhân dân V được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A D mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng A được ly hôn với anh Ngô Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Ngô Phúc T, sinh ngày 29/12/2022 cho chị Trần Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Hồng A về việc không yêu cầu anh Ngô Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ngô Văn D có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Chị Ân cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Ân có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D thống nhất xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D thống nhất xác nhận ngoài khoản nợ của ông Trần Văn T thì không còn bất cứ khoản nợ chung nào khác. Do chị Ân, anh D và ông Trinh đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung trong vụ kiện này nên HĐXX miễn xét. Ông Trần Văn T có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân V đối với chị Trần Thị Hồng A và anh Ngô Văn D do Quỹ tín dụng nhân dân V tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004756 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, chị Trần Thị Hồng A đã nộp đủ.

Quỹ tín dụng nhân dân V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.533.000đ (hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004526 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Văn Thập